Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 22/10/2026 16:20:06

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số: 1952 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị, nội dung	Phân bổ dự toán chi thường xuyên bổ sung năm 2026					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	Trong đó		
					Ngân sách tỉnh	*Ngân sách xã*	
	TỔNG CỘNG	**6.912**	**5.043**	**1.869**	**1.412**	**457**	
I	**PHÂN BỔ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**	**1.280**	**934**	**346**	**346**	**-**	
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**1.280**	**934**	**346**	**346**	**-**	
a	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN CẢ NƯỚC**	**780**	**434**	**346**	**346**	**-**	
-	***Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững***	***780***	***434***	***346***	***346***	***-***	
	Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS và MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS và MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	780	434	346	346	-	
b	**HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**	**500**	**500**	**-**	**-**	**-**	
-	***Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***	***500***	***500***	***-***	***-***	***-***	
	Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS và MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và MN	500	500	-	-	-	
II	**PHÂN BỔ CHO CẤP XÃ**	**5.632**	**4.109**	**1.523**	**1.066**	**457**	
1	Xã Bắc Sơn	89	65	24	17	7	
2	Xã Tân Tri	101	74	27	19	8	
3	Xã Vũ Lễ	90	66	24	17	7	
4	Xã Vũ Lăng	96	70	26	18	8	
5	Xã Hưng Vũ	101	74	27	19	8	
6	Xã Nhất Hòa	104	76	28	20	8	

TT	Đơn vị, nội dung	Phân bổ dự toán chi thường xuyên bổ sung năm 2026					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	Trong đó		
					Ngân sách tỉnh	*Ngân sách xã*	
7	Xã Bình Gia	94	68	26	18	8	
8	Xã Tân Văn	95	69	26	18	8	
9	Xã Hồng Phong	100	73	27	19	8	
10	Xã Hoa Thám	110	80	30	21	9	
11	Xã Quý Hòa	101	74	27	19	8	
12	Xã Thiện Hòa	106	77	29	20	9	
13	Xã Thiện Long	110	80	30	21	9	
14	Xã Thiện Thuật	110	80	30	21	9	
15	Xã Văn Quan	106	77	29	20	9	
16	Xã Điềm He	94	68	26	18	8	
17	Xã Khánh Khê	111	81	30	21	9	
18	Xã Tân Đoàn	101	74	27	19	8	
19	Xã Yên Phúc	113	83	30	21	9	
20	Xã Tri Lễ	94	68	26	18	8	
21	Xã Tràng Định	94	68	26	18	8	
22	Xã Thất Khê	89	65	24	17	7	
23	Xã Đoàn Kết	100	73	27	19	8	
24	Xã Tân Tiến	110	80	30	21	9	
25	Xã Quốc Khánh	94	68	26	18	8	
26	Xã Kháng Chiến	96	70	26	18	8	
27	Xã Quốc Việt	99	72	27	19	8	
28	Xã Văn Lãng	101	74	27	19	8	
29	Xã Na Sầm	55	40	15	10	5	
30	Xã Thụy Hùng	91	67	24	17	7	
31	Xã Hoàng Văn Thụ	91	67	24	17	7	
32	Xã Hội Hoan	111	81	30	21	9	
33	Xã Cao Lộc	106	77	29	20	9	
34	Xã Đồng Đăng	94	68	26	18	8	
35	Xã Ba Sơn	95	69	26	18	8	
36	Xã Công Sơn	104	76	28	20	8	
37	Xã Chi Lăng	53	39	14	10	4	
38	Xã Vạn Linh	73	53	20	14	6	
39	Xã Bằng Mạc	73	53	20	14	6	
40	Xã Nhân Lý	101	74	27	19	8	
41	Xã Chiến Thắng	116	85	31	22	9	
42	Xã Quan Sơn	100	73	27	19	8	
43	Xã Hữu Lũng	53	39	14	10	4	
44	Xã Cai Kinh	76	56	20	14	6	
45	Xã Hữu Liên	95	69	26	18	8	
46	Xã Yên Bình	100	73	27	19	8	
47	Xã Thiện Tân	95	69	26	18	8	

TT	Đơn vị, nội dung	Phân bổ dự toán chi thường xuyên bổ sung năm 2026					Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	Trong đó		
					Ngân sách tỉnh	*Ngân sách xã*	
48	Xã Vân Nham	71	52	19	13	6	
49	Xã Tuấn Sơn	75	55	20	14	6	
50	Xã Tân Thành	73	53	20	14	6	
51	Xã Lộc Bình	54	40	14	10	4	
52	Xã Thống Nhất	116	85	31	22	9	
53	Xã Mẫu Sơn	99	72	27	19	8	
54	Xã Na Dương	75	55	20	14	6	
55	Xã Khuất Xá	89	65	24	17	7	
56	Xã Lợi Bác	99	72	27	19	8	
57	Xã Xuân Dương	112	82	30	21	9	
58	Xã Đình Lập	54	40	14	10	4	
59	Xã Thái Bình	71	52	19	13	6	
60	Xã Châu Sơn	58	42	16	11	5	
61	Xã Kiên Mộc	95	69	26	18	8	